

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 05 - 3 - 2025

“ V/v tranh chấp hợp đồng thi công ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hai

Bà Ly Ánh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đakrông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thi công"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần X – Miền Trung; địa chỉ trụ sở chính: Số A C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu M - Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2024). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Tầng M, S, H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt C - Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: Căn hộ B S, số H L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Q (NPMU); địa chỉ : Số C đường T, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng L – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1- Trưởng phòng quản lý công trình - Ban Q- Có mặt- Văn bản ủy quyền số 620/GUQ-CPCNPMU ngày 21/02/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/04/2021, Công ty cổ phần X - M và công ty cổ phần Đ đã tiến hành ký kết hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-XLD4MT về việc thi công kéo rã dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “*Nâng cấp tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo*” do Ban Q (NPMU) làm chủ đầu tư, địa điểm thi công tại huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Giá trị của hợp đồng là 854.066.400 đồng; sau khi hợp đồng được ký kết, công ty cổ phần Đ đã tạm ứng thanh toán cho công ty cổ phần X - Miền Trung 30% giá trị của hợp đồng tương ứng với số tiền 256.219.920 đồng. Công ty cổ phần X - M đã huy động mọi nguồn lực để thi công, hoàn thành đúng khối lượng công việc, đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, bàn giao công trình đúng tiến độ theo cam kết.

Sau khi công trình đã được nghiệm thu; ngày 24/06/2021, Công ty cổ phần X - Miền Trung đã làm hồ sơ thanh toán gửi Công ty cổ phần Đ để đề nghị được thanh toán 70% giá trị còn lại của Hợp đồng. Mặc dù dự án: “*Nâng cấp tiết diện đường dây 110kV Đ – Lao Bảo*” đã được chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhưng đến nay Công ty cổ phần Đ không thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại cho Công ty cổ phần X - M.

Nay, Công ty cổ phần X - Miền Trung khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xem xét giải quyết: Buộc Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần X - Miền Trung số tiền 817. 210. 856 đồng; trong đó: Giá trị còn lại của Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-XLD4MT là 597.846.480 đồng và của 44 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 24/06/2021 đến ngày 24/02/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Số tiền lãi được tính như sau $597.846.480 \text{ đồng} \times (10\%/năm: 12 \text{ tháng}) \times 44 \text{ tháng} = 219.210.376 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán số tiền 817. 210. 856 đồng.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/11/2024, đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Việt C trình bày:* Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị căn cứ hồ sơ, xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngưng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Q (NPMU); Ban Q (NPMU) không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền Ban Q (NPMU) trình bày: Ban Q ký hợp đồng trực tiếp với Công ty cổ phần Đ. Quá trình thi công với Công ty cổ phần Đ ký kết hợp đồng với đơn vị khác là Công ty cổ phần X - M . Công ty cổ phần X - Miền Trung trực tiếp thi công công trình, tháng 6/2021 toàn bộ công trình đã đưa vào nghiệm thu, sử dụng. Ban Q thanh toán trực tiếp với Công ty cổ phần Đ, việc

thanh toán giữa Công ty cổ phần Đ và Công ty cổ phần X - Miền Trung phía Ban Q không có trách nhiệm và không can thiệp. Ban Q không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, ban hành các văn bản tố tụng, chấp hành thời hạn tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án đúng luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị xét xử vắng bị đơn theo quy định tại và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1, 12 Điều 3 và Điều 4 Luật Thương mại: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ phải trả số tiền còn nợ là 817. 210. 856 đồng; trong đó: Giá trị còn lại của Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-XLĐ4MT là 597.846.480 đồng và của 44 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 24/06/2021 đến ngày 24/02/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Số tiền lãi được tính như sau $597.846.480 \text{ đồng} \times (10\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 44 \text{ tháng} = 219.210.376 \text{ đồng}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn công ty cổ phần X - M khởi kiện công ty cổ phần Đ yêu cầu trả số tiền 817. 210. 856 đồng mà Công ty cổ phần Đ còn nợ sau khi Công ty cổ phần X - M đã hoàn thành các hạng mục mà hai bên đã ký kết. Công ty cổ phần X - M và Công ty cổ phần Đ đều có đăng ký kinh doanh, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, xác định đây là vụ án án Kinh doanh, thương mại về “*Tranh chấp về hợp đồng thi công*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Hợp đồng số 06/2021/HĐXL-MEPC-XLĐ4MT ngày 20/04/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần X - Miền Trung với công ty cổ phần Đ về việc thi công kéo rải dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “Nâng cấp tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo”. Trên địa bàn huyện Đakrông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho **công ty cổ phần Đ** và Ban Q (NPMU). Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Xét tính hợp pháp của hợp đồng và chủ thể của hợp đồng:* Căn cứ Hợp đồng số 06/2021/HĐXL-MEPC-XLĐ4MT ngày 20/04/2021 về việc thi công kéo rải dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “*Nâng cấp tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo*” giữa Công ty cổ phần X - Miền Trung với Công ty cổ phần Đ đã ký kết, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực.

[2.2] *Xét hình thức và nội dung của hợp đồng:* Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên tham gia hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định.

[2.3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ phải thanh toán tiền thi công còn nợ, thấy rằng:*

Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-XLĐ4MT ngày 20/4/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần X - Miền Trung với Công ty cổ phần Đ về việc thi công kéo rải dây dẫn và cáp quang thuộc dự án “*Nâng cấp tiết diện đường dây 110kv Đ – Lao Bảo*”.

Công ty cổ phần X - M đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng số: 06/2021/HĐXL-MEPC-XLĐ4MT ngày 20/4/2021, thi công hoàn thành, được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng có xác nhận của chủ dự án đầu tư với tổng giá trị 854.066.400 đồng.

Ngày 24/6/2021, Công ty cổ phần X - Miền Trung với Công ty cổ phần Đ lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán và bảng xác nhận khối lượng hoàn thành với nội dung giá trị nghiệm thu 854.066.400 đồng; giá trị bên A đã tạm ứng 256.219.920 đồng và giá trị bên B phải thanh toán cho bên A 597.846.480 đồng.

Ngày 28/6/2021, Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư được Tổng Công ty Đ1 đã tiến hành nghiệm thu khối lượng đã thực hiện, hoàn thành hạng mục công trình, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Theo khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng về tạm ứng, phương thức và điều kiện thanh toán, các bên thảo thuận: “Thanh toán khối lượng hoàn thành: Toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng (sau khi đã trừ tạm ứng) sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng điện vận hành công trình và bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán”.

Công ty cổ phần X - M đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty cổ phần Đ.

Đã quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng bên A Công ty cổ phần Đ vẫn không thanh toán cho bên B Công ty cổ phần X - M. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đ số tiền thi công kéo dài dây dẫn cáp quang với số tiền 597.846.480 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.2] *Đối với yêu cầu tính lãi:* Công ty cổ phần X - M yêu cầu Công ty cổ phần Đ 44 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền từ ngày 24/06/2021 đến ngày 24/02/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Số tiền lãi được tính như sau $597.846.480 \text{ đồng} \times (10\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 44 \text{ tháng} = 219.210.376 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù hợp đồng không có thỏa thuận về lãi chậm trả. Tuy nhiên, tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng quy định thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng điện vận hành công trình và bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán. Do Công ty cổ phần Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 597.846.480 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ, tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày thanh toán ngày 24/6/2021 đến ngày xét xử 24/02/2025 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng với số tiền 219.210.376 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn và buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho Công ty cổ phần X - M.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần X - Miền Trung khoản nợ tiền thi công 597.846.480 đồng và tiền lãi chậm trả đến ngày 24/02 /2025 là 219.210.376 đồng; tổng cộng là 817.056.856 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, 12 Điều 3 và

Điều 4 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X - M. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ phải trả cho Công ty cổ phần X - Miền Trung số tiền 817.056.856 đồng (*Tám trăm mười bảy triệu không trăm năm sáu nghìn tám trăm năm sáu đồng*); trong đó: Khoản nợ tiền thi công là 597.846.480 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 24/02/2025 là 219.210.376 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần Đ phải chịu 36.511.705 đồng (*Ba mươi sáu triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm lẻ năm đồng*) án phí kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần X - Miền Trung số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.942.572 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/2023/0000071 ngày 22/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Đakrông;
- Chi Cục THADS huyện Đakrông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà